

Bản án số: 29/2020/DS-ST

Ngày: 13-02-2020

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9 - TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mai Trâm

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Quý

2. Ông Phạm Văn Tâm

Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hải Hoài – cán bộ Tòa án nhân dân Quận 9 – thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 527/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 273/2019/QĐST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng X.

Địa chỉ: đường N, Phường 8, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: bà D (có mặt).

(Văn bản ủy quyền số 369/2019/GUQ-CNQ5 ngày 11/7/2019).

Bị đơn: ông Q, sinh năm: 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường H, khu phố 6, phường Phước Long A, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng X có đại diện theo ủy quyền bà D trình bày:

Ngày 21/7/2015, ông Q có ký với Ngân hàng X (sau đây gọi là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông Q, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa Credit Classic

472074-7625 với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 13.239.500 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông Q đã thanh toán số tiền 5.820.000 đồng, thứ tự ưu tiên thanh toán theo quy định tại Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Kể từ ngày 01/6/2016 ông Q không thanh toán tiếp, Ngân hàng nhiều lần mời lên làm việc và gửi thông báo nhắc nợ nhưng ông Q không liên hệ với Ngân hàng và không có thiện chí trả nợ. Như vậy ông Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng, theo quy định tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng, ngày 01/10/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn lại sang nợ quá hạn. Nay Ngân hàng X yêu cầu ông Q phải trả cho Ngân hàng nợ gốc 12.242.988 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 01/10/2016 đến ngày 28/10/2019 với mức lãi suất 3.225%/tháng, số tiền là 14.766.642 đồng, ông Q có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 29/10/2019 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng.

Bị đơn ông Q đã được Tòa án niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, triệu tập lấy lời khai, thông báo phiên họp và hòa giải nhưng đều vắng mặt.

Tại phiên tòa: đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông Q phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ 28.444.179 đồng trong đó nợ gốc 12.242.988 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 01/10/2016 đến ngày 13/02/2020 với mức lãi suất 3.225%/tháng, số tiền là 16.201.191 đồng, ông Q có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 14/02/2020 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng.

Bị đơn ông Q vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: đúng theo quy định pháp luật. Thẩm phán đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự.

- Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 9, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng X nộp đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự - hợp đồng vay tài sản với ông Q. Theo địa chỉ nguyên đơn ghi trong đơn khởi kiện thì ông Q có nơi cư trú tại đường H, khu phố 6, phường Phước Long A, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17/9/2019 Tòa án nhân dân Quận 9 tiến hành xác minh nơi cư trú của ông Q thì ông Q có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên nhưng đã chuyển về đường Y phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, ngày 15/10/2019 Tòa án nhân dân Quận 9 tiến hành xác minh nơi cư trú của ông Q tại đường Y, phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, công an phường Tăng Nhơn Phú B trả lời tại địa chỉ trên không có ai tên Q cư trú, ngày 24/10/2019 Tòa án nhân dân Quận lập biên bản làm việc với đại diện Ngân hàng, yêu cầu Ngân hàng cung cấp địa chỉ mới của ông Q hoặc địa chỉ ông Q cư trú gần nhất tính đến thời điểm khởi kiện nhưng Ngân hàng không cung cấp được, yêu cầu Tòa án tổng đạt tại địa chỉ ông Q đăng ký thường trú và ông Q ghi trong hợp đồng tín dụng là đường H, khu phố 6, phường Phước Long A, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh vì ông Q thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng nhưng không thông báo cho Ngân hàng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông Q đã được triệu tập hợp lệ đến dự phiên Tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Xét giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 21/7/2015 giữa Ngân hàng X và ông Q là phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005.

Xét yêu cầu của Ngân hàng X với ông Q, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Căn cứ lời khai của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định ngày 21/7/2015 ông Q đã ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng X, loại thẻ Visa Credit Classic 472074-7625, hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

[2.2] Theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng X và ông Q thì hai bên đã thỏa thuận người sử dụng thẻ phải chịu các loại phí như phí thường niên 299.000 đồng/năm, phí rút tiền mặt 4% nhưng tối thiểu là 60.000 đồng/lần, phí chậm thanh toán 6%/số tiền thanh toán tối thiểu nhưng tối thiểu là 80.000 đồng/tháng, phí vượt hạn mức là 0,075%/ngày nhưng tối thiểu 50.000 đồng, lãi suất cho vay tín chấp là 2.15%/năm và theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tất cả các khoản nợ được thể hiện trên thông báo giao dịch sẽ bị tính lãi nếu khách hàng không thực hiện thanh toán toàn bộ dư nợ đúng hoặc trước ngày đến hạn, lãi được tính từ ngày phát sinh cho đến ngày khách hàng thực hiện thanh toán đầy đủ.

[2.3] Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 13.239.500 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông Q đã thanh toán số tiền 5.820.000 đồng, thứ tự ưu tiên thanh toán theo quy định tại điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, ông Q đã thanh toán phí 958.000 đồng, phí trễ hạn 562.528 đồng, phí vượt hạn mức là 350.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 2.952.960 đồng, nợ gốc là 996.512 đồng. Số tiền còn lại ông Q không thanh toán tiếp. Căn cứ khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 Ngân hàng yêu cầu ông Q thanh toán tiền nợ gốc 12.242.988 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.4] Về tiền lãi quá hạn: theo quy định tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng được ký kết giữa đôi bên, khi chủ thẻ vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng X được áp dụng 150% của lãi suất tại thời điểm ký kết hợp đồng (lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng 2.15%). Quá trình thực hiện hợp đồng ông Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 01/10/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn lại sang nợ quá hạn và yêu cầu ông Q phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi quá hạn tính từ ngày 01/10/2016 đến ngày 13/02/2020 với mức lãi suất 3.225%/tháng, số tiền là 16.201.191 đồng là phù hợp với thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng và phù hợp quy định tại Điều 4 và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: ông Q phải nộp 1.422.208 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9 khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngân hàng X không phải chịu án phí, hoàn lại cho Ngân hàng X số tiền 626.216 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2018/0026409 ngày 27/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Áp dụng Điều 471; khoản 1 Điều 474 Bộ Luật dân sự năm 2005;
- Áp dụng Điều 4 và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc ông Q có trách nhiệm trả cho Ngân hàng X số tiền nợ gốc là 12.242.988 đồng (mười hai triệu hai trăm bốn mươi hai ngàn chín trăm tám mươi tám đồng); nợ lãi tính đến ngày 13/02/2020 là: 16.201.191 đồng (mười sáu triệu hai trăm lẻ một ngàn một trăm chín một đồng), tổng cộng là: 28.444.179 đồng (hai mươi tám triệu bốn trăm

bốn mươi bốn ngàn một trăm bảy mươi chín đồng), trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 14/02/2020 cho đến khi trả dứt nợ thì ông Q có trách nhiệm trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được qui định tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 21/7/2015 trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán.

2. Về án phí: 1.422.208 đồng (một triệu bốn trăm hai mươi hai ngàn hai trăm lẻ tám đồng), ông Q phải nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9 khi án có hiệu lực pháp luật.

Hoàn lại cho Ngân hàng X số tiền 626.216 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2018/0026409 ngày 27/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9 khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- VKSND Q.9;
- Chi cục THADS Q9;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Mai Trâm